TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** TỈNH AG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2025/DS- ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp *"hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân **-** Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – AG

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – AG tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Cao Đăng Khoa - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2025/TLST - DS ngày 02 tháng 6 năm 2025, về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2025/QĐST -DS, ngày 13 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957, CCCD: 089157007987

Nơi cư trú: số 311, tổ 12, ấp Hậu Giang 2, xã PT, tỉnh AG.

Số điện thoại: 0918.742.513.

2. *Bị đơn*:

2.1. Anh Huỳnh Quang H (Ngé), sinh năm 1984, CMND: 351.638.424

2.2. Chị Huỳnh Ngọc M, sinh năm 2001, CCCD: 0893001018165 (em của anh H).

Cùng cư trú: số 33/13 đường Tôn Đức Thắng, tổ 15, ấp Mỹ Lương, xã PT, tỉnh AG

Là con ruột và là hàng thừa kế thứ 1 của bà Thái Kim H, sinh năm 1964 (chết ngày 24/01/2022) còn sống, do cha mẹ ruột của bà H là cụ ông Thái H Sơn, sinh năm 1932 (chết năm 2010) và mẹ cụ bà Huỳnh Thị Lụa, sinh năm 1921 (chết năm 2003), chồng là ông Huỳnh Quang H, sinh năm 1962 đã ly hôn năm 2010.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Huỳnh Quang H, sinh năm 1962

Nơi cư trú: số 33/13 đường Tôn Đức Thắng, tổ 15, ấp Mỹ Lương, xã PT, tỉnh AG

3.2. Bà Dương Thị Huỳnh L, sinh năm 1970

Nơi cư trú: tổ 15, ấp Mỹ Lương, xã PT, tỉnh AG

3.3. Bà Thái Thị Xuân M, sinh năm 1984

Nơi cư trú: tổ 07, ấp Mỹ Lương, xã PT, tỉnh AG.

3.4. Trường tiểu học B Phú Mỹ, xã PT, tỉnh AG (điểm phụ)

- Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Hồng Ây, sinh năm 1973 – Chức vụ: Hiệu trưởng Trường tiểu học B Phú Mỹ, xã PT, tỉnh AG.

Địa chỉ trụ sở: ấp Cái Tắc, xã PT, tỉnh AG.

(Bà L, chị Ngọc M, ông H, bà L, ông Ây xin vắng mặt; anh H, chị Xuân M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị L vắng mặt có ý kiến trình bày: Do chỗ quen biết với nhau, bà có cho bà Thái Kim H (Thuỷ) vay tiền nhiều lần đến ngày 27/11/2019 kết toán làm biên nhận thì bà Thuỷ còn nợ bà 377.000.000đ do bà Thuỷ ký biên nhận và hứa trả dần, sau đó không trả kéo dài đến ngày 24/01/2022 thì bà Thuỷ chết.

Ngoài ra vào ngày 30/5/2023 âl (nhằm ngày 17/7/2023) Huỳnh Quang H (Ngé) có hỏi vay của bà 150.000.000đ, lãi thoả thuận 2%/tháng, sau khi vay H không trả lãi, không trả vốn sau đó có đòi thì H xin trả dần, mỗi tháng 9.000.000đ hoặc 10 ngày trả 3.000.000đ đến khi hết phần vốn thì sẽ tính tiếp phần lãi, nhưng đến nay cũng không trả khoản nào.

Do hiện nay bà H (Thuỷ) đã chết, nhưng bà H có chung tài sản với ông Huỳnh Quang H là diện tích đất 80,9m^2, tại thửa số 231, tờ bản đồ số 20, được cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01497/Fd, ngày 21/10/2003 do ông Huỳnh Quang H

đứng tên, trên phần đất có căn nhà xây tường hiện do ông H đang quản lý, sử dụng, vì vậy bà H có được ½ giá trị nhà và đất này. Nay bà yêu cầu như sau:

1. Đối với phần nợ của bà Thái Kim H 377.000.000đ (ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, do thừa kế của bà H là Huỳnh Quang H (Ngé) và Huỳnh Ngọc M pH trả cho bà (nếu hưởng thừa kế của bà H) hoặc lấy ½ giá trị tài sản chung với ông H (nhà và đất) trả cho bà.

2. Yêu cầu Huỳnh Quang H (Ngé) pH trả cho bà 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, từ phần hưởng thừa kế của H đối với tài sản của bà H (nếu sau khi trả nợ còn thừa)

* Nếu bên của ông H. chị M và Quang H chuyển nhượng nhà và đất cho bà, thì bà đồng ý mua với giá chung là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) và đồng ý khấu trừ phần nợ của bà Thuỷ 100.000đ.000đ phần còn lại coi như bỏ, khấu trừ phần của H 100.000đ.000đ phần còn lại coi như bỏ, như vậy bà nhận nhà và đất thối lại cho ông H, chị M, anh H là 700.000.000đ (bảy trăm triệu) coi như xoá nợ không còn liên quan.

* Bị đơn chị Huỳnh Thị Ngọc M vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Chị là con ruột của ông Huỳnh Quang H, sinh năm 1962 và bà Thái Kim H, sinh năm 1964 (chết ngày 24/01/2022), Cư trú số 33/13 đường Tôn Đức Thắng, tổ 15, ấp Mỹ Lương, xã PT, tỉnh AG, cha mẹ chị là H – H ly hôn năm 2010, nhưng chưa phân chia tài sản chung của hai người, trước khi mẹ chị chết có mượn của bà L số tiền để làm ăn sau đó phát bệnh và chết nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu các hàng thừa kế của mẹ chị là chị (M) và người anh tên Huỳnh Quang H (Ngé), sinh năm 1984 cùng trả số nợ này từ tài sản chung của mẹ chị (H) với cha ông H, chị cũng thống nhất trả 100.000.000đ, nếu còn dư giao cho chị và anh H hưởng, chị thống nhất giao toàn bộ nhà và đất cho cha là ông H được sở hữu sử dụng và cha ông H thối lại kỷ phần hoặc trả nợ thay còn lại chị và anh H hưởng.

* Bị đơn anh Huỳnh Quang H (ngé) vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

* Người liên quan ông Huỳnh Quang H vắng mặt có ý kiến trình bày: Ông nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hoà giải và các văn bản khác của Toà án, trong đó có liên quan đến Huỳnh Quang H (Ngé), nhưng do H đi làm ăn thường xuyên vắng nhà. Ông cũng là người liên quan trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản do bà Nguyễn Thị L khởi kiện con ông là Huỳnh Quang H (Ngé) và Huỳnh Ngọc M, pH có nghĩa vụ trả khoản nợ 377.000.000đ (ba trăm bảy mươi bảy triệu đồng) của bà Thái Kim H (Thuỷ), sinh năm 1964 (chết ngày 24/01/2022) là vợ trước đây của ông (đã ly hôn năm 2010) là mẹ ruột của H và M và bà L yêu cầu H trả số tiền vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Do hiện nay bà H (Thuỷ) đã chết, nhưng bà H có chung tài sản với ông là

diện tích đất 80,9m^2, tại thửa số 231, tờ bản đồ số 20, được cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01497/Fd, ngày 21/10/2003 do ông đứng tên, trên phần đất có căn nhà xây tường hiện do ông đang quản lý, sử dụng, vì vậy bà H có được ½ giá trị nhà và đất này.

Nay ông yêu cầu nhận toàn bộ nhà và đất này và đồng ý thối lại ½ giá trị phần sở hữu sử dụng của bà H cho thừa kế của bà H còn sống là Huỳnh Quang H và Huỳnh Ngọc M, còn về phần nợ của bà H nếu lấy từ giá trị tài sản chung với ông để trả ông cũng đồng ý.

Nhưng do hiện nay ông không có tiền mặt, bà L yêu cầu nhận căn nhà và đất thối lại cho ông, M và H ông cũng đồng ý, giá trị nhà và đất ông thống nhất giá là 900.000.000đ, thống nhất bà L khấu trừ phần của H (Thuỷ) 100.000.000đ và khấu trừ phần của H 100.000.000đ, như vậy ông giao nhà và đất cho bà L được sở hữa, sử dụng bà L thối lại cho ông cùng hai người con M và H 700.000.000đ (trong đó phần của ông 450.000.000đ, phần của M 175.000.000đ, phần của H 75.000.000đ) coi như không còn nợ, phần tiền này ông và M và H tự phân chia.

* Người liên quan bà Dương Thị Huỳnh L vắng mặt có ý kiến trình bày: bà có nhà liền ranh với nhà và đất của ông Huỳnh Quang H hai bên xây nhà đều đúng ranh, bên nào thì bên đó sử dụng, nhà chị xây dựng năm 2013, tại thửa số 230, có diện tích 78,8m^2, giữa hai phần đất còn chừa khoản trống khoản 0,2m, nên không có chồng lấn ranh, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này

* Người liên quan bà Thái Thị Xuân M vắng mặt không ý kiến trình bày

* Người liên quan ông Ngô Hồng Ây đại diện Trường tiểu học B Phú Mỹ - xã PT vắng mặt có ý kiến trình bày: đất của nhà trường được cấp giấy chứng nhận và sử dụng ổn định có hàng rào, các đương sự có lấn chiếm thì pH hoàn trả đúng hiện trạng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – AG

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên anh Quang H, bà Xuân M vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, họ cũng được tống đạt nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, các đương sự còn lại xin vắng mặt, họ có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua ý kiến trình bày của các bên có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập, nguyên đơn cung cấp thể hiện bà L khi khởi kiện cung cấp 2 biên nhận có chữ ký và chữ viết của bà H (Thuỷ) số tiền là 377.000.000đ, chữ ký và chữ viết của anh H là 150.000.000đ, sau khi nhận tiền vay bà H không trả lãi đầy đủ hay trả vốn đến khi bệnh chết, anh H cam kết trả nợ, nhưng không thực hiện, nên bà L khởi kiện là có căn cứ phù hợp với Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật dân sự

- Về nghĩa vụ trả tiền của bà H (Thuỷ) hiện bà H đã chết, các thừa kế cũng thừa nhận bà H còn nợ bà L, hiện bà H đang sở hữu, sử dụng đất chung trong căn nhà với ông H, ông H cũng thừa nhận ông và bà H sở hữu chung, khi ly hôn năm 2010 chưa phân chia tài sản này, ông cũng đồng ý lấy ½ giá trị nhà và đất để trả nợ cho bà H còn lại sẽ giao lại cho 2 con là H và Ngọc M, nhưng do ông không có tiền mặt và khả năng hoàn lại ½ giá trị, ông thống nhất bán căn nhà và nền đất cho bà L trị giá chung là 900.000.000đ chia 2 ông hưởng 450.000.000đ, phần bà H 450.000.000đ lấy trả nợ cho bà L, bà L đồng ý khấu trừ phần bà H 100.000.000đ, nên phần bà H còn lại là 350.000.000đ sẽ chuyển tiếp cho 2 thừa kế còn sống của bà H là anh H và chị Ngọc M, do đó việc thoả thuận này phù hợp pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các bên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về phần nghĩa vụ trả nợ của anh H, anh H được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng, cũng như mở phiên họp công khai chứng cứ và Hoà giải, để hai bên đối chiếu từng khoản nợ, nhưng anh H vắng mặt là từ bỏ quyền lợi của mình, do đó các chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phần anh H được hưởng trong phần tài sản của bà H sau khi khấu trừ nợ còn lại 350.000.000đ, anh được hưởng ½ là 175.000.000đ, chị Ngọc M hưởng 175.000.000đ; bà L đồng ý chỉ khấu trừ số tiền nợ của anh H 100.000.000đ, nên phần hưởng của anh H trong phần tài sản còn lại là 75.000.000đ. Do anh H chị Ngọc M không có yêu cầu cụ thể nên số tiền của hai người được hưởng của bà H còn lại sẽ tạm giao cho ông H, nếu sau này không thoả thuận được mà có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các vật kiến trúc khác trên đất có lấn sang đường ranh nhưng các bên đương sự không có đơn yêu cầu cụ thể, nên đề nghị hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác nếu các bên có yêu cầu.

Đồng thời buộc các đương sự chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định. Do bà L tự nguyện chịu chi phí tố tụng nên đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1. Về người tham gia tố tụng: Anh H và chị Xuân M được triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng chị vẫn vắng mặt, những người còn lại có đơn xin vắng mặt khi xét xử, họ cũng có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú ấp Mỹ Lương, xã PT, tỉnh AG, nên nguyên đơn khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – AG theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp nguyên đơn khởi kiện đòi tiền vay nên quan hệ tranh chấp là " Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 Bộ Luật dân sự.

[2] Về nội dung: Qua ý kiến trình bày của các bên có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, thu thập, nguyên đơn cung cấp thì thể hiện bà L đưa ra 2 biên nhận có chữ ký và chữ viết của bà H (Thuỷ) số tiền nợ bà là 377.000.000đ, chữ ký và chữ viết của anh H nợ bà là 150.000.000đ, sau khi nhận tiền vay bà H không trả lãi đầy đủ hay trả vốn đến khi bệnh chết, anh H cam kết trả nợ, nhưng không thực hiện, nên bà L khởi kiện là có căn cứ phù hợp với Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật dân sự

- Về nghĩa vụ trả tiền của bà H (Thuỷ) hiện bà H đã chết (ngày 24/01/2022), các thừa kế cũng thừa nhận bà H còn nợ bà L, hiện bà H đang sở hữu, sử dụng đất chung trong căn nhà với ông H, ông H cũng thừa nhận ông và bà H sở hữu chung, khi ly hôn năm 2010 chưa phân chia tài sản này, ông cũng đồng ý lấy ½ giá trị nhà và đất để trả nợ cho bà H còn lại sẽ giao lại cho 2 con là H và Ngọc M, nhưng do ông không có tiền mặt và khả năng hoàn lại ½ giá trị, ông thống nhất bán căn nhà và nền đất cho bà L trị giá chung là 900.000.000đ chia 2 ông hưởng 450.000.000đ, phần bà H 450.000.000đ lấy trả nợ cho bà L, bà L đồng ý khấu trừ phần bà H 100.000.000đ, nên phần bà H còn lại là 350.000.000đ sẽ chuyển tiếp cho 2 thừa kế còn sống của bà H là anh H và chị Ngọc M mỗi người 175.000.000đ, do đó việc thoả thuận này phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về phần nghĩa vụ trả nợ của anh H, anh H được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng, cũng như mở phiên họp công khai chứng cứ và Hoà giải, để hai bên đối chiếu từng khoản nợ, nhưng anh H vắng mặt là từ bỏ quyền lợi của mình, do đó các chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phần anh H được hưởng trong phần tài sản của bà H là 175.000.000đ, bà L đồng ý chỉ khấu trừ số tiền nợ

của anh H 100.000.000đ, nên phần hưởng của anh H trong phần tài sản còn lại là 75.000.000đ. Do anh H, chị Ngọc M không có yêu cầu cụ thể nên số tiền của hai người được hưởng của bà H còn lại sẽ tạm giao cho ông H, nếu sau này không thoả thuận được mà có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các vật kiến trúc khác trên đất có lấn sang đường ranh nhưng các bên đương sự không có đơn yêu cầu cụ thể, nên hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác nếu các bên có yêu cầu.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc là 1.031.400đ, chi phí xem xét thẩm định và định giá là 1.500.000đ, tổng cộng 2.531.400đ (bà L tạm nộp), bà tự nguyện chịu nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, lẽ ra bị đơn pH chịu, nhưng các bên thoả thuận giao tài sản để trừ nợ và người hưởng tài sản và người thực hiện nghĩa vụ, trên 60 tuổi có đơn xin miễn nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với anh Huỳnh Quang H (tự ngé) và chị Huỳnh Ngọc M về " Hợp đồng vay tài sản".

* Ghi nhận sự tự nguyện của bả Nguyễn Thị L chỉ khấu trừ phần nợ của bà Thái Kim H (tự Thuỷ) 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), khấu trừ phần nợ anh Huỳnh Quang H (tự Ngé) 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), coi như dứt nợ.

* Ghi nhận sự thoả thuận của ông Huỳnh Quang H bán căn nhà và nền đất cho bà Nguyễn Thị L trị giá chung 900.000.000đ [trong đó khấu trừ phần nợ của bà Thái Kim H (tự Thuỷ) 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), khấu trừ phần nợ anh

Huỳnh Quang H (tự Ngé) 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), còn lại bà L pH giao cho ông H 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng)]

- Ông Huỳnh Quang H, chị Huỳnh Ngọc M và anh Huỳnh Quang H (ngé) pH giao cho bà Nguyễn Thị L căn nhà cấp IV, có kết cấu móng, cột bê tông cốt thép, vách tường xây gạch, bên trong ốp gạch men, có sàn lững bê tông lót gạch men, trần nhà la phông, nền lót gạch men, mái tol, phía trước nhà có mái che khung cột gỗ, mái lợp tol, nền lót gạch men, hàng rào lưới B40 + song sắt + xây tường cao 1,5m, dài 11,2m cùng diện tích đất 80,9m^2, tại thửa số 231, tờ bản đồ số 20, theo giấy chứng nhận QSD đất số 01497/QSDĐ/Fd, được UBND huyện PT (cũ), tỉnh AG cấp 21/10/2003, vị trí nhà và nền đất theo sơ đồ hiện trạng khu đất do văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh khu vực liên xã PT lập ngày 31/7/2025

Bà Nguyễn Thị L pH đến cơ quan có thẩm quyền kê khai lại diện tích đất nói trên, ông Huỳnh Quang H pH nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền giấy chứng nhận QSD đất (bản chính) số 01497/QSDĐ/Fd, được UBND huyện PT (cũ), tỉnh AG cấp 21/10/2003 do Huỳnh Quang H đứng tên.

(Sơ đồ hiện trạng khu đất do văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh khu vực liên xã PT lập ngày 31/7/2025 là một phần của bản án sơ thẩm)

- Bà Nguyễn Thị L pH giao tiền mua bán căn nhà và nền đất còn lại cho ông Huỳnh Quang H là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) (trong đó phần của ông H là 450.000.000đ, phần của chị Ngọc M là 175.000.000đ, phần anh H (Ngé) là 75.000.000đ)

* Chi phí tố tụng: 2.531.400đ bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu (bà L đã nộp xong).

* Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Quang H, anh Huỳnh Quang H (Ngé) và chị Huỳnh Ngọc M mỗi người pH chịu 300.000đ (phần giao nhà). Các đương sự còn lại không pH chịu án phí.

Kể từ ngày ông Huỳnh Quang H có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Nguyễn Thị L không thi hành dứt điểm số tiền trên, thì còn pH trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh AG;
- VKSND khu vực 12 – AG;
- THADS tỉnh AG;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến